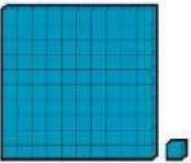
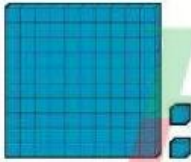
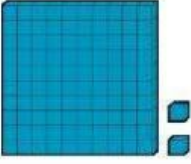
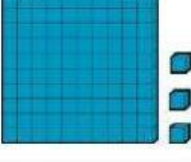
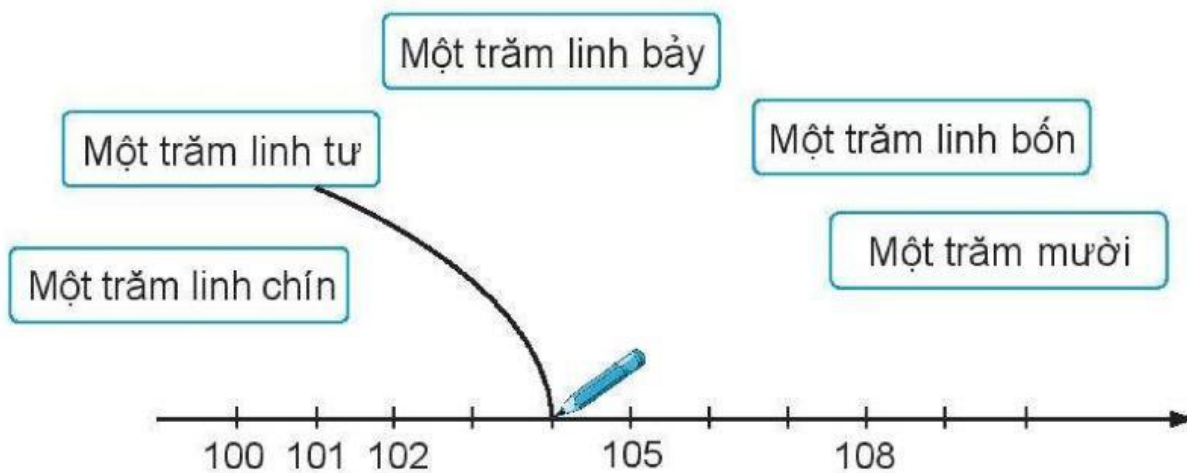


CÁC SỐ TỪ 101 ĐẾN 110

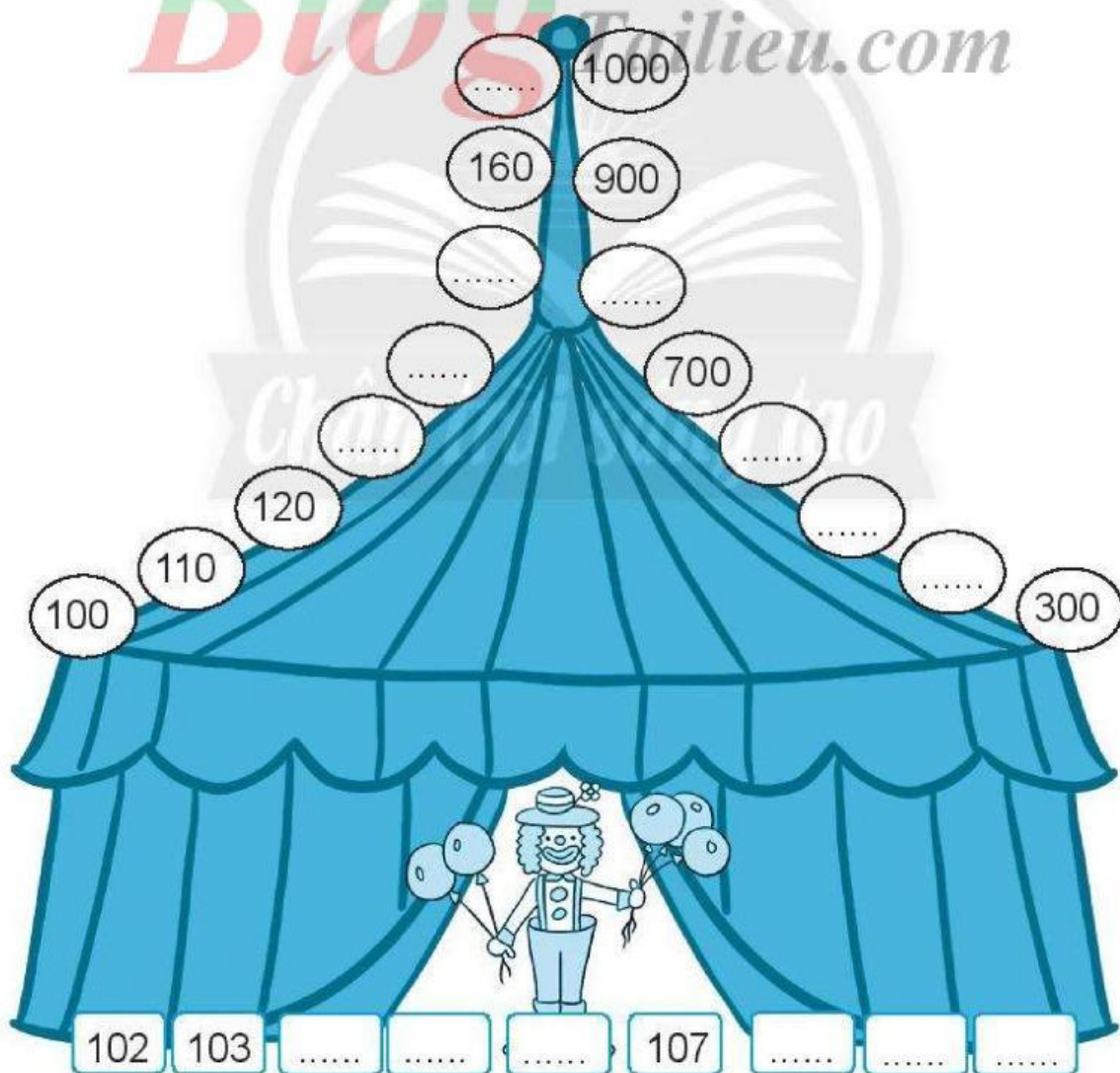
1 **Viết** (theo mẫu).

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	1	0	1	101	một trăm linh một
					
					
					
					
					
					

2 **Nối** (theo mẫu).

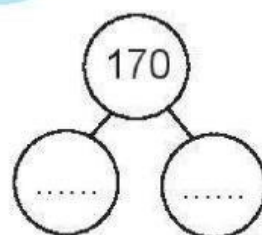
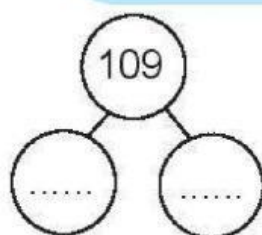
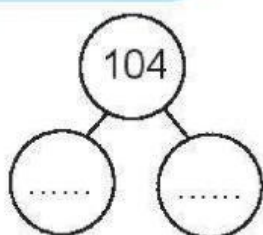
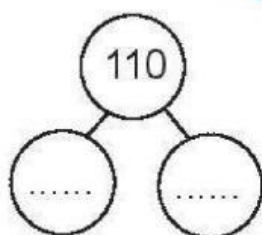
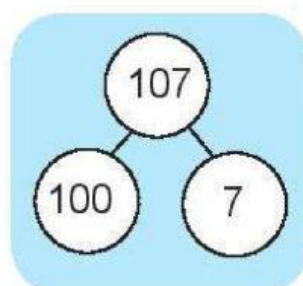
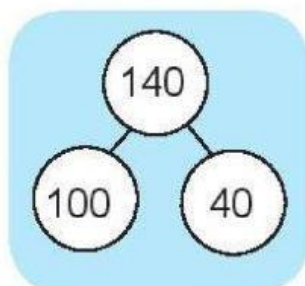


3 **Viết số** vào chỗ chấm.



4 **Viết số** vào chỗ chấm (theo mẫu).

Mẫu:



5 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

a) $106 = 10 + 6$

☐

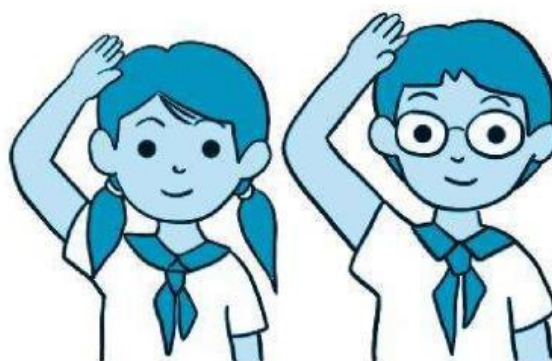
b) $106 = 100 + 60$

☐

c) $106 = 100 + 6$

☐

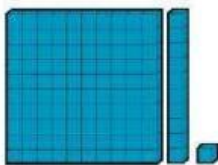
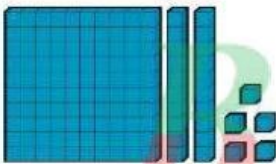
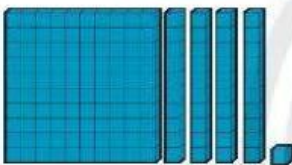
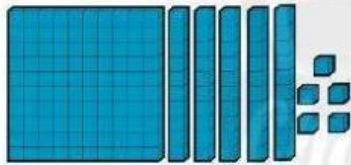
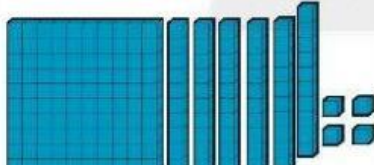
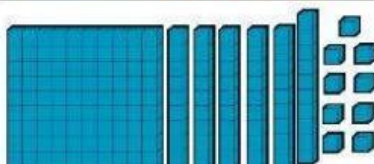
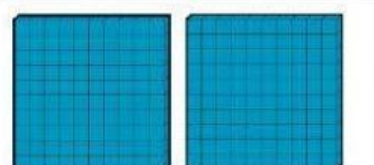
6 Quan sát tranh, **viết** vào chỗ chấm.



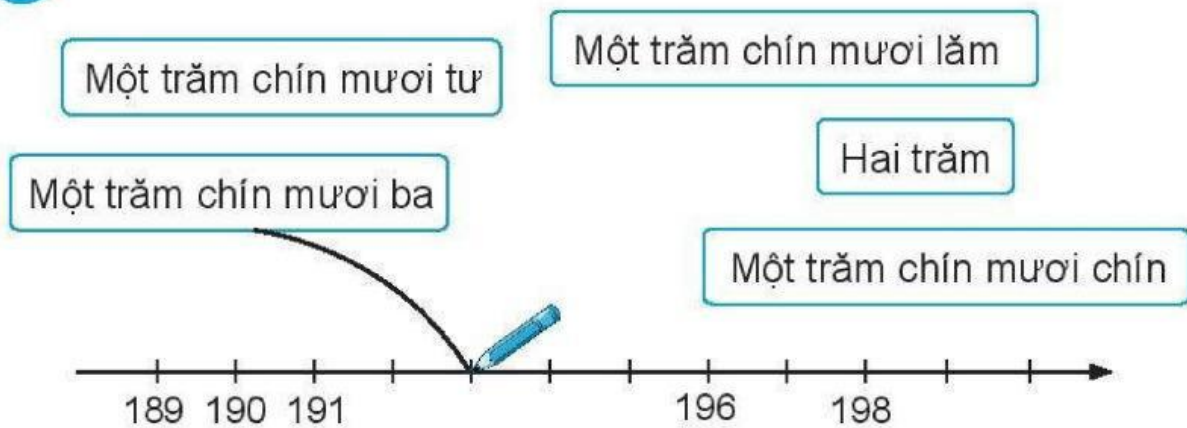
Chúng em chào cờ vào lúc giờ phút, thứ hằng tuần.

CÁC SỐ TỪ 111 ĐẾN 200

1 **Viết** (theo mẫu).

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	1	1	1	111	một trăm mười một
					một trăm hai mươi hai
					một trăm ba mươi ba
					
					
					
					

2 **Nối** (theo mẫu).

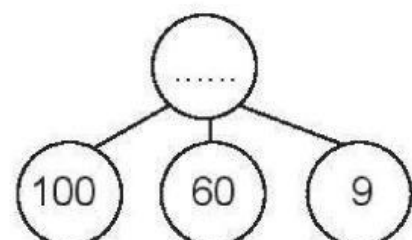
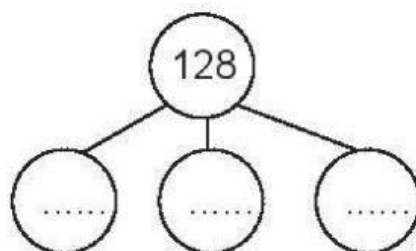
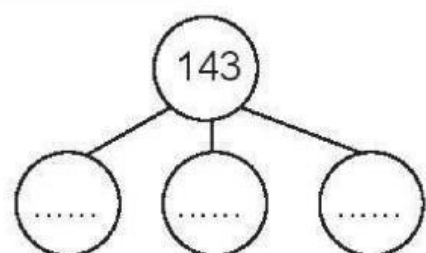
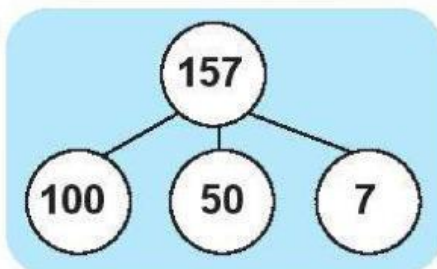


3 **Viết số** vào chỗ chấm.



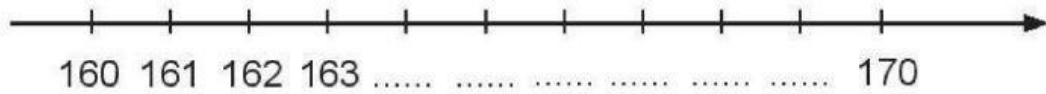
4 **Viết số** vào chỗ chấm (theo mẫu).

Mẫu:

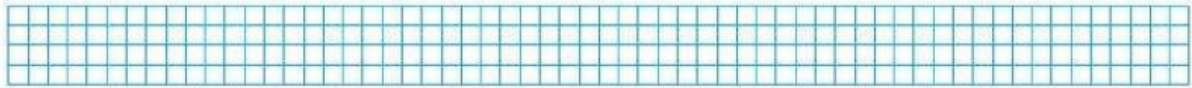


5

a) **Viết số** vào chỗ chấm.



b) Sắp xếp các số **167, 162, 165, 169** theo thứ tự **từ lớn đến bé**.

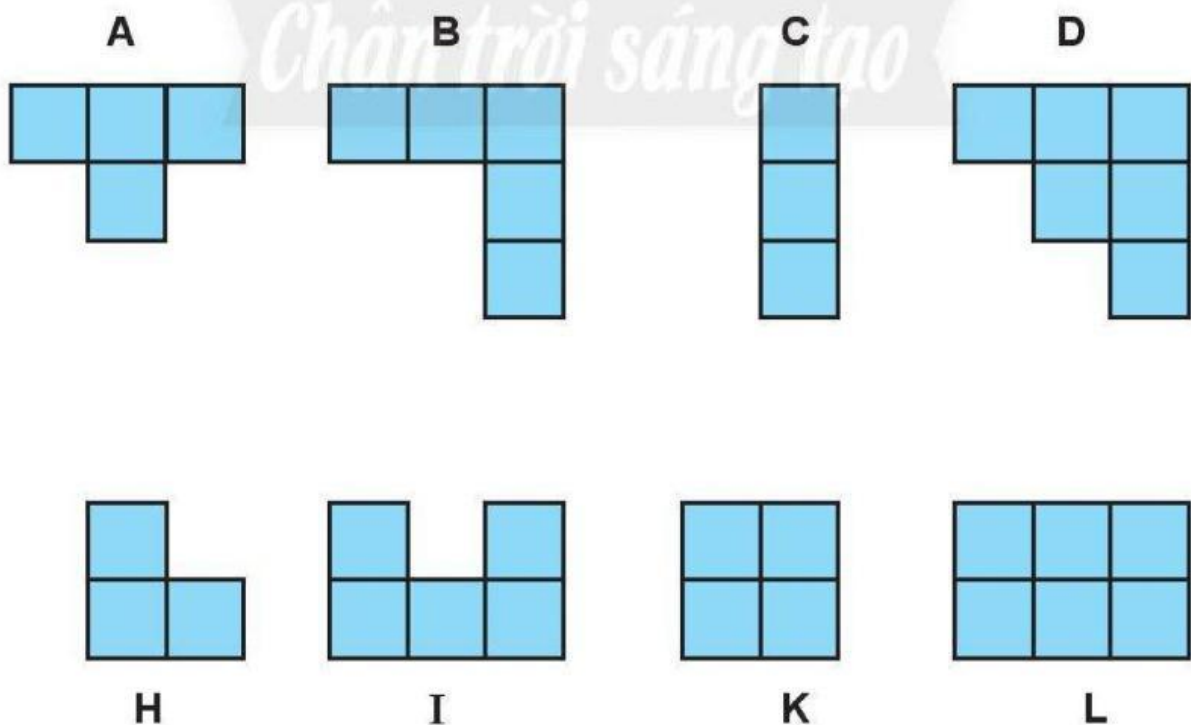


c) Tô màu vào con thỏ có số **lớn nhất**.



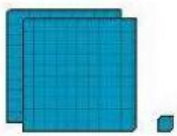
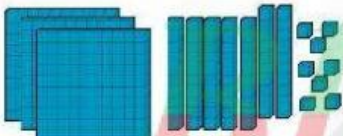
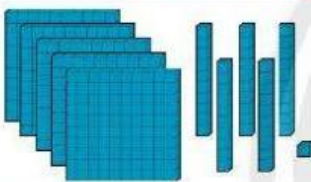
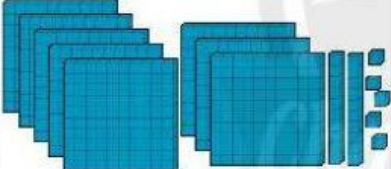
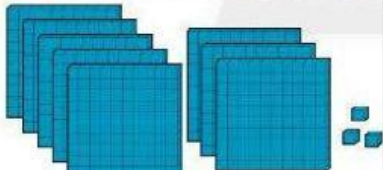
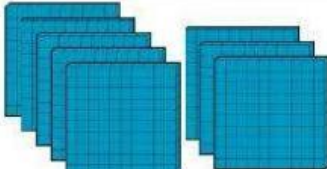
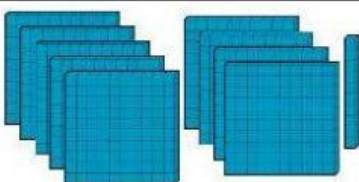
6

Nối hai hình mà nếu ghép chúng lại ta được **hình vuông**.

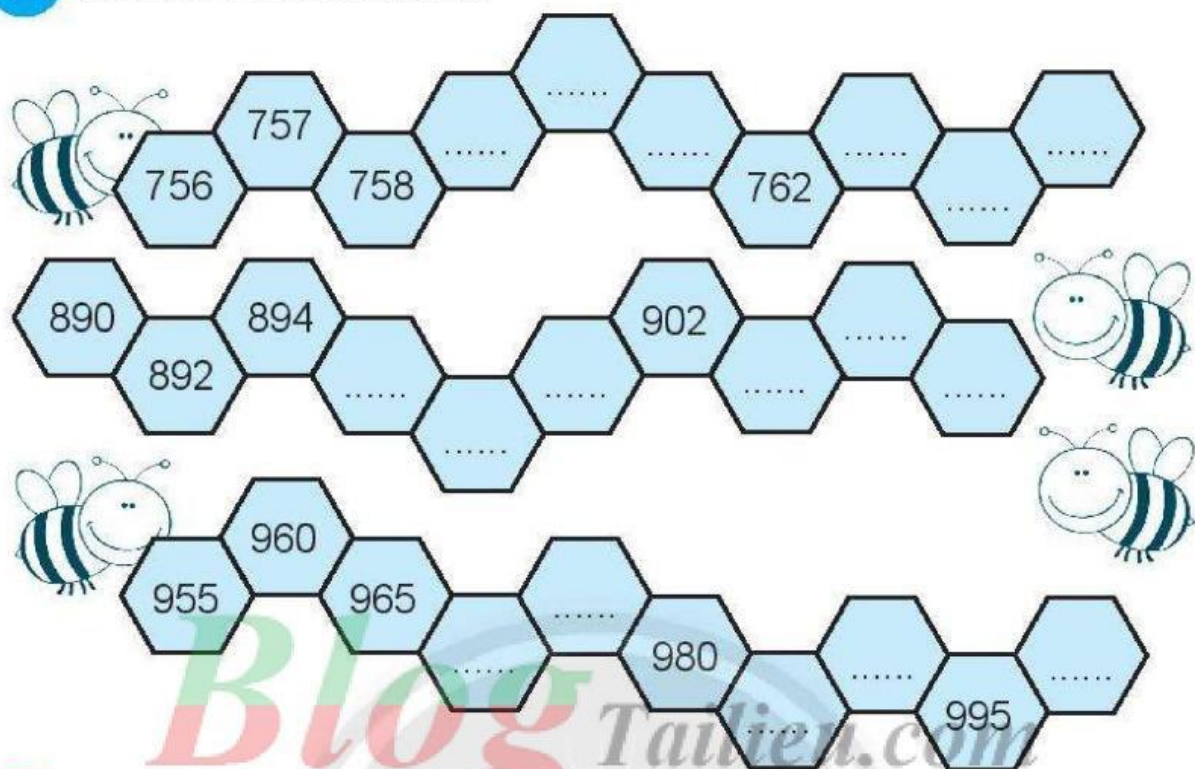


CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

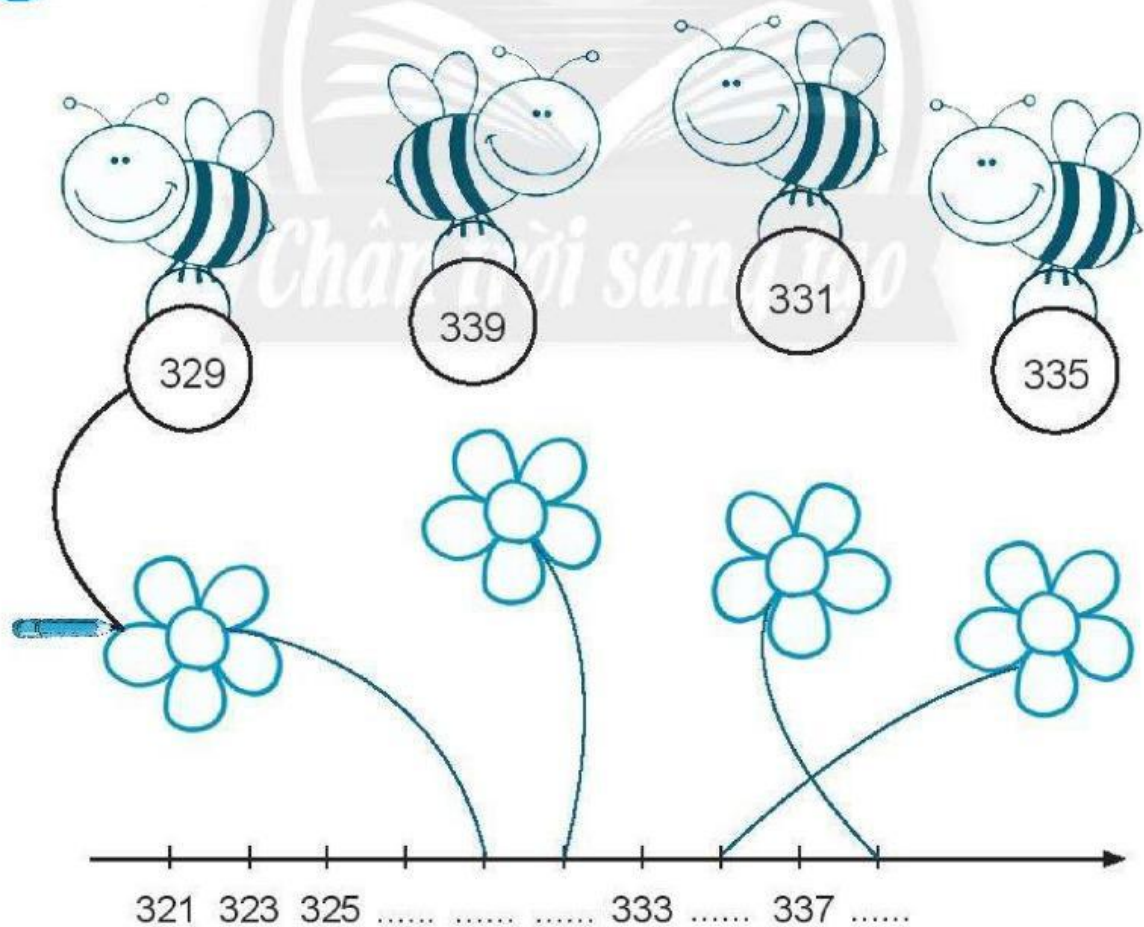
1 **Viết** (theo mẫu).

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	2	0	1	201	hai trăm linh một
					
					
					
					
					
					

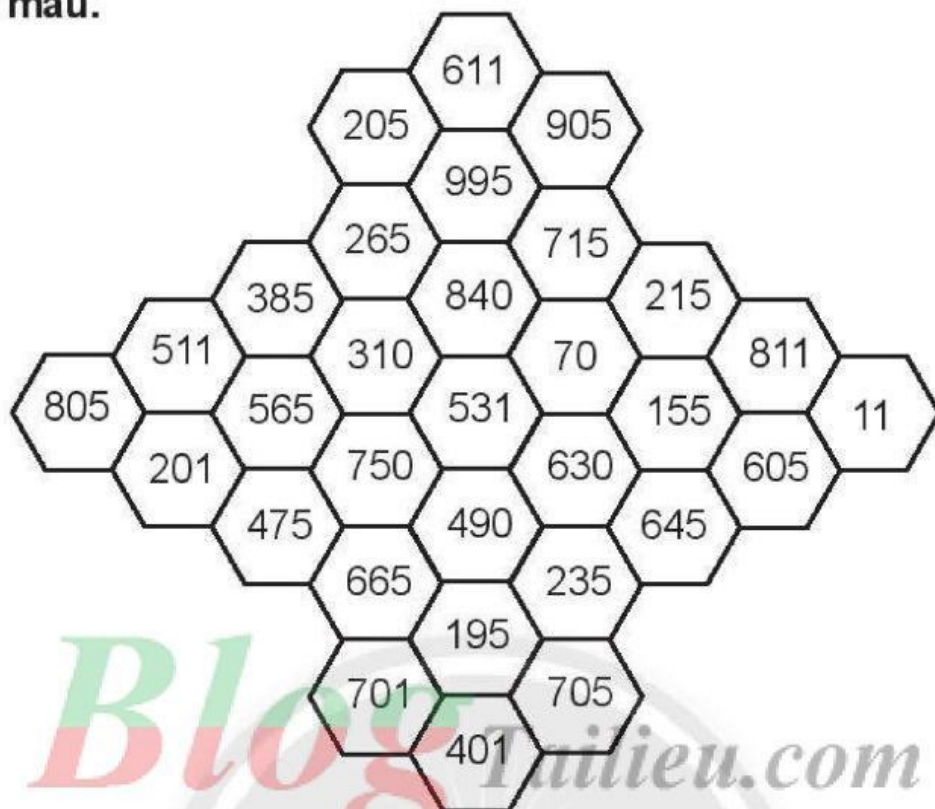
2 Viết số vào chỗ chấm.



3 Nói ong với hoa (theo mẫu).



4 Tô màu.



Các ô có số khi **đọc** có tiếng **một**: màu vàng.

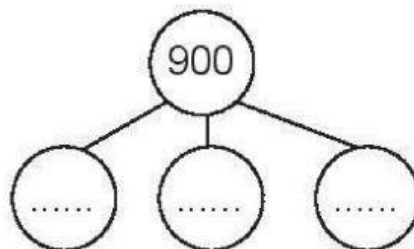
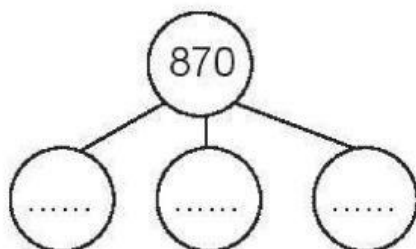
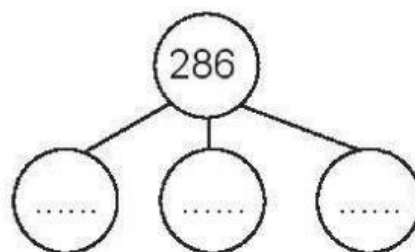
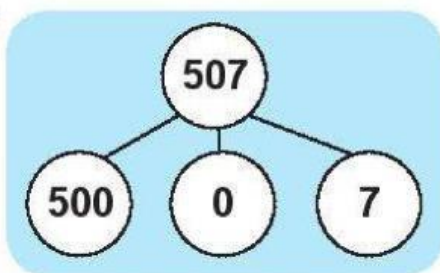
Các ô có **số tròn chục**: màu cam.

Các ô có số khi **đọc** có tiếng **lăm**: màu đỏ.

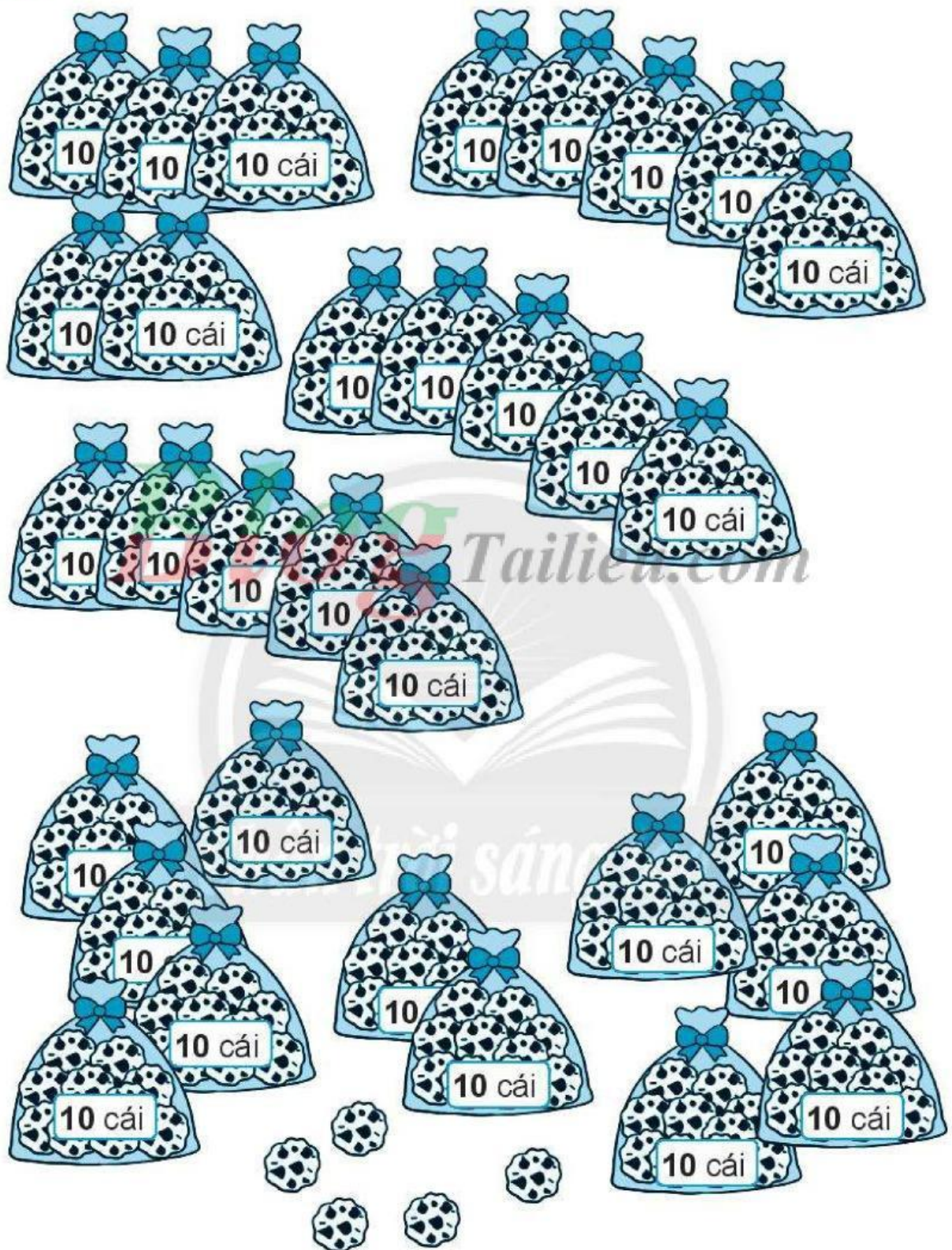
Các ô còn lại: màu xanh lá.

5 Viết số vào chỗ chấm (theo mẫu).

Mẫu:



6 Có tất cả bao nhiêu cái bánh?



Có cái bánh.

7 Vui học

Viết số vào hình tròn, **viết chữ** vào hình chữ nhật.

156

một

trăm

năm

82

tám

mười

.....

617

sáu

trăm

.....

34

ba

.....

.....

chín

trăm

.....

mười

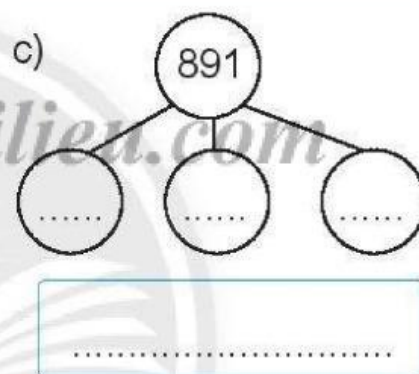
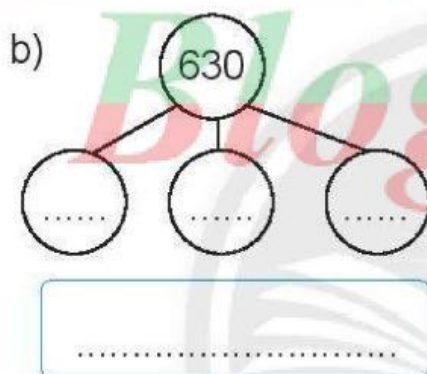
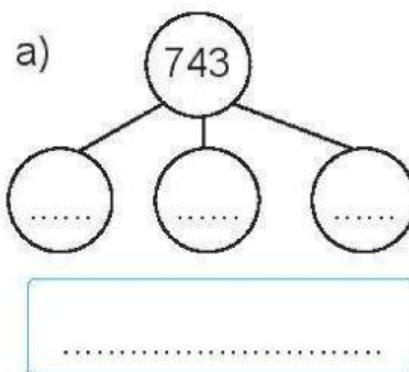
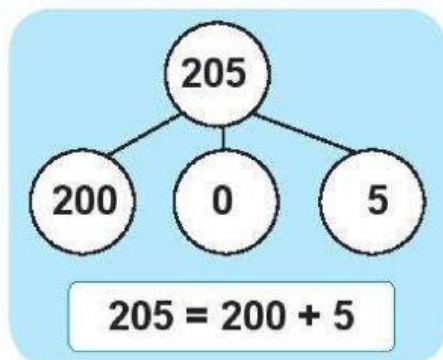
.....

8 Xếp hình con thỏ.



VIẾT SỐ THÀNH TỔNG CÁC TRĂM, CHỤC, ĐƠN VỊ

1 **Viết** vào chỗ chấm (theo mẫu).



2 **Viết số** thành **tổng các trăm, chục, đơn vị**.

a) $514 =$

b) $920 =$

c) $407 =$

d) $63 =$

3 **Nối** mỗi tổng với số phù hợp.

$300 + 10 + 2$

$300 + 20 + 2$

$300 + 20 + 1$

321

312

322

SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

1

So sánh từ số **trăm**, số **chục** rồi đến số **đơn vị**.



>

a) 749 ... 745

269 ... 280

631 ... 489

<

800 ... 803

352 ... 357

78 ... 214

=

b) 123 ... 100 + 20 + 3

2

Viết các số theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.

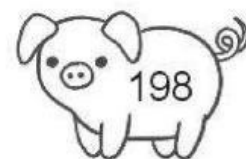
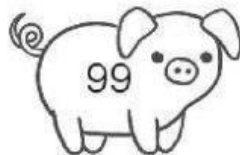
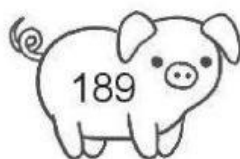
b) Từ lớn đến bé.

570	507	750	705
.....			

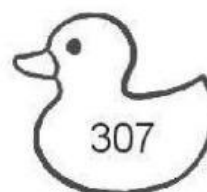
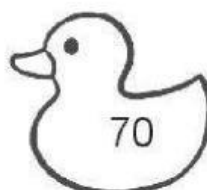
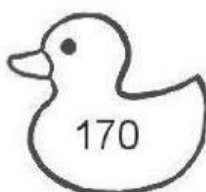
423	324	342	432
.....			

3

a) Tô màu con vật có số lớn nhất.



b) Tô màu con vật có số bé nhất.



4 **Viết** một chữ số thích hợp vào chỗ chấm.

$541 > 54\dots$

$387 < 3\dots 2$

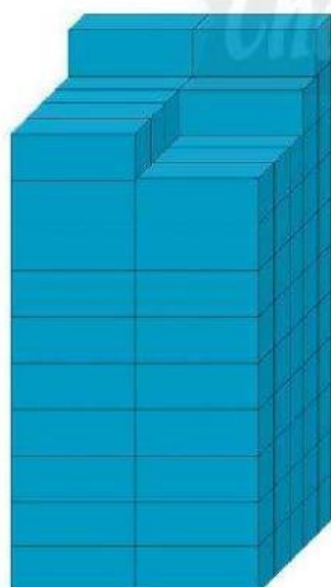
$263 > \dots 75$

5 Đánh dấu (✓) vào hình có nhiều viên gạch nhất.

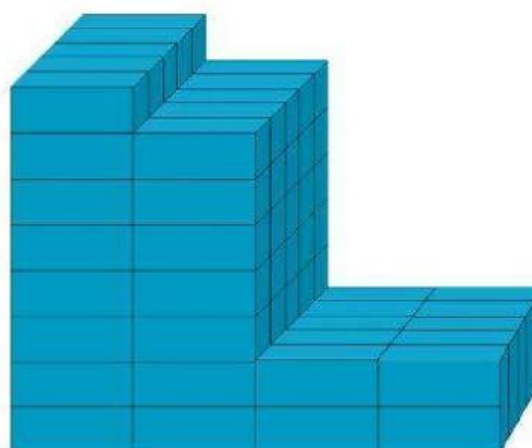


A ☐

B ☐



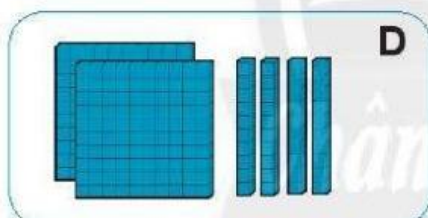
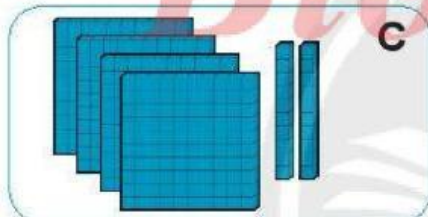
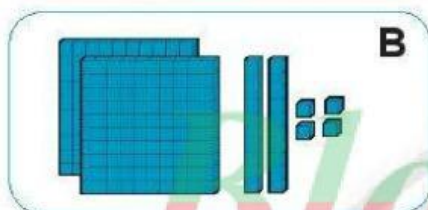
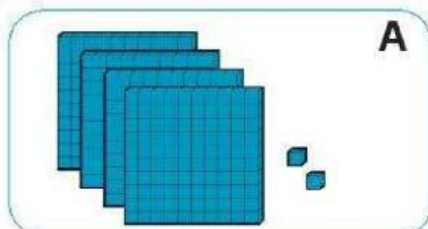
C ☐



D ☐

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 a) **Nối** hình ảnh phù hợp với số.



b) **Viết số** thành tổng các **trăm, chục, đơn vị**.

224 =

420 =

402 =

240 =

c) Sắp xếp các số **224, 420, 402, 240** theo thứ tự từ **bé đến lớn**.

.....